

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31/2025/DS-ST

Ngày: 16-6-2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài

Ông Doãn Đức Hùng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phan Đăng Định – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 439/2024/TLST-DS ngày 04/12/2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-DS ngày 05/6/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 357/2025/QĐST-DS ngày 26/5/2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Giang N, sinh năm 1989

Trú tại: thôn B, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Bà Đậu Thị L, sinh năm 1987;
Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

* **Bị đơn:** Ông Võ Hoàng N1, sinh năm 1980

HKTT: số 150/1, ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Đậu Thị L, trình bày:

Do ông Nguyễn Giang N và ông Võ Hoàng N1 quen biết nhau nên ngày 12/02/2022, ông N cho ông N1 vay số tiền 300.000.000đ. Hai bên có lập Hợp đồng vay tài sản được công chứng tại Văn phòng C, tỉnh Đồng Nai, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 03 tháng. Đến ngày 14/12/2022, ông N lại tiếp tục cho ông N1 vay số tiền 130.000.000đ theo “Giấy vay tiền” có chữ ký hai bên,

không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 02 tháng. Tuy nhiên, khi đến thời hạn thanh toán thì ông N1 không thực hiện cho đến nay. Ông N đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông N1 chỉ hứa hẹn rồi không thực hiện. Nhận thấy ông N1 không có thiện chí trả nợ, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp nên ông N đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông N1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc là 430.000.000đ và số tiền lãi là 208.105.000đ (tính đến ngày 12, 14/10/2024). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu về số tiền lãi, yêu cầu thanh toán 100.300.000đ (tính đến ngày 14/4/2025), cụ thể như sau: (300.000.000đ x 2 năm 4 tháng x 10%/năm + 130.000.000đ x 2 năm 4 tháng x 10%/năm).

Ngoài ra, nguyên đơn không còn yêu cầu khởi kiện nào khác.

* *Bị đơn* – ông Võ Hoàng N1: Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thụ lý đơn, thời hiệu khởi kiện, thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng, đầy đủ.

Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Giang N và ông Võ Hoàng N1 có mối quan hệ bạn bè nên ông N đã cho ông N1 mượn 02 lần tiền, cụ thể như sau: Vào ngày 12/02/2022, ông N cho ông Võ Hoàng N1 mượn số tiền 300.000.000đ. Hai bên có lập "Hợp đồng vay tài sản" tại Văn phòng C, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 03 tháng. Đến ngày 14/02/2022, ông N tiếp tục cho ông Võ Hoàng N1 mượn thêm số tiền 130.000.000đ. Hai bên có lập "Giấy vay tài sản", không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 02 tháng.

Tại bản kết luận giám định số 98/KL-KTHS ngày 17/3/2025 của Phân viện kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ viết và chữ ký mang tên Võ Hoàng N1 trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký và chữ viết đứng tên Võ Hoàng N1 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M do một người viết ra. Do đó có thể xác định việc ông N1 vay tiền của ông N là có thật.

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Võ Hoàng N1 phải trả lại cho ông Nguyễn Giang N số tiền gốc 430.000.000 đồng và lãi suất các khoản vay trên cho đến khi xét xử xong vụ án.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm giao kết hợp đồng vay, bị đơn - ông Võ Hoàng N1 có nơi cư trú tại số A, ấp N, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Khi Tòa án thụ lý vụ án thì ông N1 vẫn đăng ký thường trú nhưng không còn sinh sống tại địa chỉ trên mà chỉ còn cha mẹ hiện đang sinh sống và ông N không biết ông N1 hiện đang cư trú tại đâu. Như vậy, ông N1 đang là người có nghĩa vụ, đã thay đổi nơi cư trú nhưng không báo cho người khởi kiện (là người mình có nghĩa vụ) thì được xem là trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ nên vụ án vẫn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, là nơi người bị kiện có nơi cư trú cuối cùng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông N yêu cầu Tòa án buộc ông N1 thanh toán số tiền vay theo “Hợp đồng vay tài sản” đề ngày 12/12/2022 và “Giấy vay tiền” đề ngày 14/12/2022 nên quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quy định tại Điều 463 BLDS năm 2015.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn – ông Võ Hoàng N1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa 02 lần nhưng vẫn vắng mặt, không có lý do. Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn – bà Đậu Thị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện về số tiền cho ông Võ Hoàng N1 vay, ông Nguyễn Giang N đã cung cấp tài liệu, chứng cứ là “Hợp đồng vay tài sản” đề ngày 12/12/2022 thể hiện số tiền vay là 300.000.000đ và “Giấy vay tiền” đề ngày 14/12/2022 thể hiện số tiền vay là 130.000.000đ. Đối với “Hợp đồng vay tài sản” đề ngày 12/12/2022 đã được công chứng hợp lệ tại Văn phòng C, tỉnh Đồng Nai, có số công chứng 5714, quyền số 01/2022TP/CC-SCC/HĐGD. Đối với “Giấy vay tiền” đề ngày 14/12/2022 thì theo kết luận giám định số 98/KL-KTHS ngày 17/3/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: “*Chữ ký, chữ viết họ tên “Võ Hoàng N1” dưới mục “Bên vay” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Võ Hoàng N1 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M là do cùng một người ký, viết ra*”. Điều này chứng tỏ, ông N và ông N1 có giao kết hợp đồng vay tài sản với nhau nên xác định giao dịch vay tài sản giữa hai bên là có thật.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và những văn bản tố tụng khác cho ông N1 nhưng ông N1 vẫn không lên Tòa án làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cung cấp chứng cứ để chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không

đưa ra được chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Chính vì lẽ đó, đối chiếu với những tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và kết quả giám định chữ ký, chữ viết đã có đủ căn cứ buộc ông N1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông N số tiền nợ gốc 430.000.000đ.

[2.3] Về số tiền lãi yêu cầu thanh toán: Theo nội dung “Hợp đồng vay tài sản” đề ngày 12/12/2022 thỏa thuận thời hạn trả nợ là 03 tháng và “Giấy vay tiền” đề ngày 14/12/2022 thỏa thuận thời hạn trả nợ là 02 tháng, không thể hiện nội dung thỏa thuận về lãi suất nên xác định hợp đồng vay tài sản giữa hai bên là có kỳ hạn và không có lãi. Vì vậy, theo quy định tại khoản 4 Điều 466 BLDS về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “*Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác*”. Trường hợp này không thể hiện việc hai bên có thỏa thuận khác nên việc xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bị đơn sẽ được tính từ ngày 13/3/2023 đối với khoản vay 300.000.000đ và ngày 15/02/2023 đối với khoản vay 130.000.000đ. Ông N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ông N yêu cầu tính số tiền lãi kể từ ngày vi phạm đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/6/2025) là phù hợp nên được chấp nhận. Số tiền lãi ông N1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông N là 98.119.000đ (tính đến ngày 16/6/2025), cụ thể như sau: $(300.000.000đ \times 2 \text{ năm } 3 \text{ tháng } 3 \text{ ngày} \times 10\%/năm + 130.000.000đ \times 2 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 1 \text{ ngày} \times 10\%/năm)$.

[3] Về án phí và chi phí giám định: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 4.461.000đ; ông N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và hoàn trả chi phí giám định cho ông N theo quy định.

[4] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về đường lối giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 147; Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 228 Điều 264; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Giang N đối với ông Võ Hoàng N1 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

- Buộc ông Võ Hoàng N1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Giang N số tiền 528.119.000đ (Năm trăm hai mươi tám triệu một trăm mười chín nghìn đồng). Trong đó:

+ Số tiền gốc là 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng).

+ Số tiền lãi là 98.119.000đ (Chín mươi tám triệu một trăm mười chín nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Nguyễn Giang N có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu ông Võ Hoàng N1 chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí:

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Giang N số tiền 14.763.000đ (Mười bốn triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000281 ngày 27/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Ông Võ Hoàng N1 phải chịu số tiền 25.125.000đ (Hai mươi lăm triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: Ông Võ Hoàng N1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Giang N số tiền chi phí tố tụng là 4.461.000đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng).

Báo cho các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cũng bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Trảng Bom;
- CC. THADS h.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thùy Dung